TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 16-8-2022
V/V "Ly hôn giữa bà M và ông S, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Nĩnh.
Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HN ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà An Thị Diễm M.
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An.
Địa chỉ tạm trú: đường 827A, ấp N, xã T, thành phố A, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc S. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-6-2022 và trong quá trình xét xử, bà An Thị Diễm M là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trần Quốc S chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông S thường xuyên đánh đập bà. Bà và ông S không sống chung với nhau từ tháng 05 năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thu H; Trần Quốc H. Hiện Thu H đang sống với bà ngoại tên là Trần Thị N, tại huyện N, tỉnh Đồng Tháp, còn Quốc H đang sống với ông S, bà yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông S không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Hiện bà đang làm công nhân, mức thu nhập hằng tháng của bà khoảng 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Quốc S là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà M về điều kiện kết hôn là đúng và mâu thuẫn vợ chồng chỉ đúng một phần, nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thu H; Trần Quốc H. Hiện con chung tên Thu H đang sống với bà Trần Thị N nuôi dưỡng, Quốc H đang sống với ông từ ngày 24/5/2021 cho đến nay. Ông đồng ý để bà M tiếp tục nuôi dưỡng Thu H, ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Quốc H đến khi con chung đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện ông đang làm công nhân, mức thu nhập hằng tháng của ông khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà M yêu cầu ly hôn với ông S được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà M và ông S có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông S. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà M và ông S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà M yêu cầu ly hôn với ông S, ông S cũng đồng ý ly hôn nên theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông S.

[4] Về nuôi con chung:

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thu H; Trần Quốc H. Bà M yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu ông S cấp dưỡng 02 con chung, ông S yêu cầu nuôi con chung tên Quốc H, giao con chung tên Thu H cho bà M nuôi dưỡng, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét

về điều kiện kinh tế (mức thu nhập- mức lương) của hai đương sự thì tương đương nhau. Bà M hiện làm công nhân may tại thành phố A, tỉnh Long An hằng tuần mới về tại huyện N, tỉnh Đồng Tháp để thăm con tên Thu H (hiện Thu H do bà Trần Thị N là bà ngoại nuôi dưỡng), nhưng bà M yêu cầu nuôi hai con chung là chưa phù hợp với điều kiện đi lại và điều kiện chăm sóc con chung của bà M. Đối với cháu Quốc H mặc dù chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng hiện đang sống cùng ông S từ ngày 24 tháng 5 năm 2021 cho đến nay cũng đã ổn định về mọi mặt, để giữ ổn định về mọi mặc cũng như điều kiện chăm sóc con chung nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của ông S và cần giao con chung tên Quốc H cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà M tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thu H đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện nuôi con của cả hai bên đương sự theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà An Thị Diễm M ly hôn với ông Trần Quốc S.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thu H, sinh ngày 03/7/2012; Trần Quốc H, sinh ngày 24/5/2021.

Giao con chung tên Trần Thị Thu H cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện do bà Trần Thị N nuôi dưỡng).

Giao con chung tên Trần Quốc H cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện do ông S nuôi dưỡng).

Hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên

còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0007912 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã Hiệp Thạnh;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí